CÁC DẠNG BÀI TẬP BẤT QUY TẮC

I. Bất quy tắc "ㅂ", "돕다":

- **"ㅂ": Kết hợp với nguyên âm => mất "ㅂ" thêm "우" vào sau động, tính từ.**
- **"돕다": Gặp "아요" mất "ㅂ" thêm "오"**
  Gặp "으" mất "ㅂ" them "우"

1. Thời tiết hôm nay rất lạnh. Cậu mau vào nhà đi. (Lạnh: 춥다**)**

>

2. Vì trời nóng nên tôi đã đi bơi cùng với bạn. (Nóng: 덥다**)**

>

3. Ở bên ngoài ồn ào quá nên tôi đã đóng cửa sổ lại. (Ồn ào: 시끄럽다**)**

>

4. Yong Suk à! Bài tập tiếng Hàn này khó quá! Cậu có thể chỉ (dạy) tớ được không? (Khó: 어렵다**)**

>

5. Cái túi này nặng quá! Cậu hãy giúp tớ nhé! (Nặng: 무겁다**)**

>

6. Nếu cậu giúp bạn ấy nhiều lần thì bạn ấy sẽ trở nên lười biếng. (Lười biếng: 게으르다**/ A+지다: trở nên A)**

>

7. Vì hôm qua tôi đã giúp đỡ Sumi làm bài tập nên hôm nay cô ấy tặng tôi món quà. (Quà: 선물**/)**

>

8. Bài tập ngữ pháp tiếng Hàn này dễ. Cậu đã làm hết chưa? (Dễ: 쉽다**)**

>

9. Minji rất hay giúp đỡ những người khó khăn. Cậu ấy rất tốt bụng. (어려운 사람들**: những người khó khăn;** 마음씨 좋다**: Tốt bụng)**

>

10. Đồ ăn Thái rất ngon nhưng vì cay nên tôi không thể ăn được.

>

II. Bất quy tắc "ㄹ"

- **Khi gặp phụ âm "ㅂ,ㄴ,ㅅ" thì mất "ㄹ" và áp dụng ngữ pháp thông thường.**
- **Khi gặp"(으)ㅂ,ㄴ,ㅅ" thì mất cả "으" và "ㄹ" VD:** 멀+(으)니까 > 머니까
- **Nếu sau "으" không phải là "ㅂ,ㄴ,ㅅ": chỉ mất "으". VD:** 살+(으)면 >>> 살면
- **Khi "ㄹ" đứng trước các cấu trúc ngữ pháp như: (으)ㄹ 때, (으)러, (으)ㄹ게요, (으)ㄹ 래요?: thì cộng trực tiếp mà không lược bỏ gì.**

1. **Chào bạn! bạn có biết Yong Suk không?**
   >
2. **Vì kí túc xá xa trường học nên hơi bất tiện. (N1** 은/는-이/가 + **N2**에서 멀다: **N1 xa N2; bất tiện:** 불편하다)
   >
3. **Hiện tại tôi đang sống ở Seoul. Ở đây rất hiện đại và tiện lợi. (Hiện đại:** 현대; **tiện lợi:** 편리하다)
   >
4. **Đừng khóc nữa! Nếu bạn cứ tiếp tục khóc thì mắt sẽ sưng lên đấy! (Khóc:** 울다; **tiếp tục:** 계속; **sưng:** 붓다)
   >
5. **Khi tôi sống ở Việt Nam, tôi đã làm quen được rất nhiều người bạn. (Làm quen, kết bạn:** 사귀)
   >
6. **Tớ rất hay làm bánh kem. Cậu có muốn làm chung không? (Đuôi câu** (으)ㄹ래요; **bánh kem:** 케이크)
   >
7. **Hội chợ lần này tổ chức ở Seoul nên có rất nhiều người. (Hội chợ:** 박람; **Tổ chức, mở:** 열다)
   >

III. Bất quy tắc "르": Khi gặp nguyên âm >>> bỏ "으" và thêm "ㄹ" vào từ phía trước.

Sau đó xét nguyên âm phía trước:
+ Nếu là "오/아" thì thêm "아" vào phía sau.
+ Nếu khác "오/아" thì thêm "어" vào phía sau.
******Những động từ không thuộc BQT "르" mà áp dụng BQT "으":**
따르다, 치르다, 들르다

1. **Dạo này giá hàng hóa tăng mạnh (Tăng lên:** 오르다; **Hàng hóa:** 물자; **Giá:**값)
   >

2. Vì không biết tiếng Hàn nên thật bất tiện.

>

3. Vì trời nóng nên tôi đã cắt tóc. (Tóc: 머리**; Cắt:**자르다 **)**

>

4. Tiếng Hàn rất thú vị. Bạn hãy thử học tiếng Hàn đi.(V+아/어보세요:hãy thử)

>

5. Vì quá nhanh nên tôi không thể thấy được gì cả.

>

6. Vì nước mắt cứ tuôn ra nên mắt tôi rất đau. (Nước mắt: 눈물**; tuôn ra:** 흐르다**)**

>

7. Vì ăn quá nhiều nên tôi rất no. Vì vậy không thể ăn thêm được. (No: 부르다**)**

>

IV. Bất quy tắc "으"

Khi gặp nguyên âm >>> mất "" sau đó xét nguyên âm phía trước:

- **Nếu là "오/아" thì thêm "아" vào phía sau.**
- **Nếu khác "오/아" thì thêm "어" vào phía sau.**

1. Hôm qua vì quá bận nên tôi không thể ăn cơm được.

>

2. Misu học giỏi và xinh đẹp nên mọi người rất thích cô ấy.

>

3. Vì đã đậu kì thi tiếng Hàn nên tôi rất vui. (Kì thi: 시험**; Đậu, đạt:** 합격하다**; vui:** 기쁘다**)**

>

4. Bộ phim này rất buồn. Tôi đã khóc rất nhiều. (Buồn: 슬프다**)**

>

5. Nếu đi ra ngoài thì phải khóa cửa lại. (Đi ra ngoài: 밖에 나가다**; khóa:** 잠그다**)**

>

6. Sau khi tam làm tôi đã ghé qua nhà bạn tôi. (Tan làm: 퇴근하다**; Ghé:** 들르다**)**

>

7. Vì quá bận không thể ăn được nên bây giờ cảm thấy đói bụng.

>

V. Bất quy tắc "ㄷ"

Khi gặp nguyên âm: "ㄷ" biến thành "ㄹ"

Những động từ dưới đây không thuộc BQT này:

받다, 닫다, 얻다, 묻다**(chôn cất)**, 뻗다, 믿다, 쏟다

Tuy nhiên động từ 묻다(hỏi) thì vẫn áp dụng BQT "ㄷ"

1. Nếu nghe nhạc thì tâm trạng sẽ rất thoải mái. (Thoải mái: 편하다**)**

>

2. Mỗi ngày tôi đi bộ từ nhà đến trường. (Đi bộ: 걷다**; Từ N1 đến N2: N1**에서 **N2**까지**)**

>

3. Tôi không biết nữa! Hãy thử hỏi Minji xem.

>

4. Nếu nhận ra sớm hơn thì bây giờ tôi đã không hối hận. (Nhận ra, hiểu ra: 깨닫다**; Hối hận:** 후회하다**)**

>

5. Nghe tin đứa bạn thân đậu kì thi tiếng Hàn nên tôi rất vui.

>

6. Đừng tin cậu ấy! Hãy hỏi người khác đi.

>

VI. Bất quy tắc ""

Khi gặp nguyên âm sẽ mất đi "ㅅ"

*****Những từ sau không thuộc BQT này:** 씻다, 웃다, 벗다, 솟다**.**

1. Ba mình đã xây căn nhà này. (Xây dựng: 짓다**; bức tường:** 벽**)**

>

2. Sau khi uống thuốc thì bệnh cũng đã khỏi. (Khỏi: 낫다**)**

>

3. Nếu cứ tiếp tục đổ nước vào bình thì nước sẽ tràn ra. (Đổ vào:N에 + 붓다**; Tràn:** 쏟다**)**

>

4. Khi đọc sách nếu bạn muốn ghi nhớ thì hãy gạch dưới. (Khi V: 을ㄹ 때**, ghi chú:** 메모하다**; gạch dưới, gạch chân:** 밑줄을 긋다**)**

>

5. Vì đã khỏi bên nên ngày mai tôi sẽ đi đến trường.

>

6. Thư viện sẽ được xây ở mảnh đất này. (Mảnh đất: 땅**)**

VII. Bất quy tắc "ㅎ"

- **Khi kết hợp với "으": "ㅎ" và "으" đều bị lượt bỏ.**
- **Khi kết hợp với nguyên âm là :**
  + "아/어" >>> mất "흐" và biến đổi thành "애".
  + Khác "아/어" >>> mất "ㅎ" và biến đổi thành "얘".

Những từ sau không thuộc BQT này: 쌓다, 좋다, 놓다, 낳다, 넣다, 닿다.

1. Cậu mới đi Hàn Quốc về à? Ở đó thế nào?

>

2. Tại sao chiếc lá này lại màu đỏ nhỉ? (Lá cây: 잎**; Màu đỏ:** 빨갛다**)**

>

3. Hãy đưa tôi chiếc áo màu trắng kia nhé. (Màu trắng: 하얗다**)**

>

4. Con gái rất thích làn da trắng. (Da: 피부**)**

>

5. Màu này là màu gì ạ?

>

Là màu trắng!

>

6. Nếu cậu cứ tiếp tục như thế này thì đừng nói chuyện với mình nữa. (Như thế này: 이렇다**)**

>

7. Hôm nay trời đẹp quá. Vì vậy cùng đi chơi không? (Vì vậy: 그렇다**)**

*****Không bất quy tắc:**

8. Cậu đã sinh em bé rồi hả? Chúc mừng nhé! (Sinh, đẻ: 낳다**)**

>

9. Vì công việc chất đống nên tôi rất mệt. (Chất đống: 쌓다**; Mệt:** 피곤하다**)**

IG: studykoreanwithmj

>

